

Bản án số: 134/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05 - 8 - 2022.

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạc Minh Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Sĩ Quang và bà Phạm Thị Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Thắng - Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở TAND tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2022/TLST-HNGĐ ngày 18/4/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 115/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20/7/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị H** - sinh năm 1990; nơi ĐKKHKT: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú hiện nay: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Vũ Xuân H** - sinh năm 1988; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

- Người liên quan: Ông Vũ Xuân S - sinh năm 1964 (bố đẻ anh H1), địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Chị H, anh H1 và ông S đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai chị H trình bày: Chị và anh H1 kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, Hải Dương vào ngày 21/01/2013 và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau ngày cưới, vợ chồng tổ chức cuộc sống chung vui vẻ, hạnh phúc tại gia đình anh H1 và có 02 con chung với nhau. Tháng 5/2018, vợ chồng đều đi Đài Loan lao động, mỗi người làm một công ty khác nhau nên không chung sống cùng nhau. Thời gian đầu lúc mới sang Đài Loan, vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc qua điện thoại. Cuối năm 2018, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung và anh H1 không còn tin tưởng sự chung thủy, luôn nghi ngờ chị

có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, từ đó anh chị không còn tiếng nói chung, thường xuyên cãi chửi nhau, dần dần không còn liên lạc với nhau nữa. Sau đó chị đã về Việt Nam sinh sống tại gia đình bố mẹ đẻ và xác định vợ chồng sống ly thân, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau từ cuối năm 2018 đến nay nên tình cảm vợ chồng không còn, chị đã gọi điện trao đổi với anh H1 về việc ly hôn để giải thoát cho nhau khỏi sự gông buộc về cuộc sống hôn nhân, anh H1 có quan điểm nhất trí ly hôn. Nay chị xác định tình cảm của chị đối với anh H1 không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H1 để sớm ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là Vũ Thị Thanh T, sinh ngày 13/12/2013 và Vũ Xuân T1, sinh ngày 02/8/2017, hiện đang do bố mẹ anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn, nguyện vọng của anh H1 xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu chị phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị hoàn toàn nhất trí.

Về tài sản chung, vay nợ: Chị xác định vợ chồng không có tài sản gì chung, không nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H không cung cấp được địa chỉ của anh H1 ở nước ngoài.

- Tòa án tiến hành lấy lời khai của Vũ Văn S (là bố đẻ anh H1) trình bày: Anh H1 và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký tại UBND xã B, huyện B vào năm 2013. Sau khi kết hôn, chị H về gia đình ông sinh sống, anh chị tổ chức cuộc sống hòa thuận và đã có 02 con chung với nhau. Đến năm 2018, anh chị đi sang Đài Loan lao động nhưng mỗi người sống một nơi, được một thời gian anh H1 đã phát hiện chị H đã có quan hệ bất chính thường xuyên đi với người đàn ông khác, không còn chung thủy, từ đó hai anh chị ấy không còn liên lạc với nhau nữa. Một thời gian sau chị H về nước nhưng không về sinh sống tại gia đình ông, hai con của anh chị ấy vẫn do gia đình ông chăm sóc. Sau khi ông nhận thông báo về việc thụ lý vụ án, ông đã thông báo cho anh H1 biết nội dung chị H xin ly hôn và yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng con chung. Anh H1 cho biết quan điểm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do chị H sống không chung thủy, có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nên xác định tình cảm vợ chồng không còn, không muốn quay về chung sống với chị H. Chị H làm đơn xin ly hôn, anh H1 nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Về con chung: Anh H1 xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Vũ Thị Thanh T, sinh ngày 13/12/2013 và cháu Vũ Xuân T1, sinh ngày 02/8/2017, hiện tại đang do gia đình ông trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ khi vợ chồng đi sang Đài Loan lao động từ năm 2018 đến nay. Ly hôn, anh H1 có nguyện vọng xin được tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu chị H đóng góp tiền nuôi dưỡng các con vì anh vẫn thường xuyên gửi tiền về cho gia đình chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung đảm bảo về mọi mặt. Trong thời

gian anh H1 chưa về nước nên nhờ gia đình ông S tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh H1 về nước. Ông hoàn toàn đồng ý chăm sóc các cháu giúp cho anh H1 trong thời gian anh H1 làm việc ở nước ngoài và tự nguyện không yêu cầu anh H1 phải thanh toán chi phí chăm sóc.

Về tài sản chung: Anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi Tòa án tiến hành lấy lời khai và giao các văn bản tố tụng cho ông Vũ Văn S là bố đẻ anh H1 nhận để thông tin cho anh H1 biết nội dung, ông S trình bày cho biết quan điểm của anh H1 tại các biên bản lấy lời khai, tuy nhiên ông S không ký vào biên bản làm việc cũng như ký biên bản giao nhận tài liệu của Tòa án. Ông S đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Tại công văn số 11970/QLXNC-P5 ngày 07/6/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an xác định anh Vũ Xuân H1, sinh ngày 16/11/1988; khai hộ khẩu thường trú tại: Bình Minh, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương, đã sử dụng hộ chiếu số C5179708 để xuất cảnh ngày 01/01/2020 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm xác định việc chấp hành tố tụng của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đảm bảo quy định của pháp luật. Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Vũ Xuân H1; Về con chung: Xử giao anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Vũ Thị Thanh T, sinh ngày 13/12/2013 và cháu Vũ Xuân T1, sinh ngày 02/8/2017 cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành; chấp nhận sự tự nguyện của anh H1 không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con sau khi ly hôn. Về tài sản chung, vay nợ: Chị H không yêu cầu nên không phải giải quyết. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Vũ Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đề nghị xin xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

Anh Vũ Xuân H1 là bị đơn trong vụ án là người Việt Nam đang sinh sống, lao động tại Đài Loan nhưng không rõ địa chỉ cụ thể, tuy nhiên anh H1 vẫn liên lạc với thân nhân ở trong nước. Tòa án đã yêu cầu chị H và ông S (bố đẻ anh H1) cung cấp địa chỉ của anh H1 nhưng không cung cấp được nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tòa án đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ

nhưng anh H1 vẫn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H1 tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương vào ngày 21/01/2013. Do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Sau ngày cưới, anh chị tổ chức cuộc sống chung vui vẻ, hạnh phúc tại gia đình anh H1 và có 02 con chung với nhau. Tháng 5/2018, anh chị đều đi lao động tại Đài Loan nhưng mỗi người làm một công ty khác nhau, sống mỗi người một nơi, thời gian đầu vợ chồng thỉnh thoảng gặp nhau và chỉ liên lạc qua điện thoại. Cuối năm 2018, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh H1 không còn tin tưởng sự chung thủy, luôn nghi ngờ chị H có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, từ đó anh chị không còn tiếng nói chung, thường xuyên cãi chửi nhau, dần dần không còn liên lạc và không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Sau đó chị H về Việt Nam sinh sống nhưng không về gia đình anh H1 mà về nhà bố mẹ đẻ ở, hai con của anh chị vẫn do gia đình anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H xác định vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2018 đến nay nên tình cảm không còn, có níu kéo cũng không mang lại hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H1 để ổn định cuộc sống riêng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hai lần tiến hành lấy lời khai với ông Vũ Văn S (bố đẻ anh H1) về việc thông báo cho anh H1 biết để trình bày quan điểm về việc chị H xin ly hôn, tuy nhiên anh H1 không có lời khai trình bày quan điểm để gửi về cho Tòa án, nhưng thông qua gia đình, ông S cho biết anh H1 cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn do chị H sống không chung thủy, dẫn đến cãi nhau và không muốn quay về chung sống với chị H. Xét thấy, anh H1 lao động ở nước ngoài, mỗi người sống một nơi và đã có những bất đồng trong cuộc sống, không tin tưởng nhau nên mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho chị H được ly hôn anh H1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Vũ Thị Thanh T, sinh ngày 13/12/2013 và cháu Vũ Xuân T1, sinh ngày 02/8/2017, hiện đang ở với bố mẹ đẻ anh H1 vẫn đảm bảo về mọi mặt, anh H1 vẫn gửi tiền về để chăm lo nuôi dưỡng các cháu. Nguyên vọng của anh H1 xin được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, tự nguyện không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi các con. Anh H1 chưa về nước nên nhờ ông S chăm sóc, nuôi dưỡng giúp, anh H1 sẽ có trách nhiệm gửi tiền về để đảm bảo mọi mặt cuộc sống và việc học hành của cháu T và cháu T1. Ông S hoàn toàn đồng ý và không yêu cầu anh H1 phải thanh toán chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H1 cũng nhất trí để anh H1 tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành nên cần chấp nhận xử cho anh H1 được nuôi dưỡng 02 con chung và chấp nhận sự tự nguyện của anh H1 không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, vay nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên

không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Vũ Xuân H1.

2. Về con chung: Giao anh Vũ Xuân H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Vũ Thị Thanh T, sinh ngày 13/12/2013 và cháu Vũ Xuân T1, sinh ngày 02/8/2017 cho đến khi các con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của anh H1 không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao cháu Thảo và cháu Tài cho ông Vũ Xuân S (bố đẻ anh H1) chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh H1 về Việt Nam trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo biên lai thu số AA/2021/0000060 ngày 18/4/2022. Chị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị H và ông S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Anh H1 đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Bình Minh, Bình Giang, Hải Dương (để nghị vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Mạc Minh Quang